

Bản án số: 68/2020/HS-ST

Ngày: 15- 12- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huyền

2. Ông Nguyễn Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn C**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/7/1985; Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TC, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đặng Văn L, sinh năm 1966, con bà: Trương Thị T, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là: Mạc Thị B, sinh năm 1985, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: có 01, tại bản án số 02/2010/HSST ngày 09/3/2010 Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa nộp án phí; tiền sự: Không; Nhân thân: tại bản án số 325/2020/HSST ngày 20/8/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Bị hại:

1. Anh Trần Thế H, sinh năm 1990 – Có mặt.

Trú tại: Xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1986 – Có mặt.

Trú tại: Xóm TC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Dương Văn H, sinh năm 1995 – Có mặt.

2. Ông Dương Văn K, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm BN, xã TL, huyện ĐH, tỉnh TN.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn T M, sinh năm 1957 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1982 – Vắng mặt

Đều trú tại: Xóm TC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN.

4. Chị Âu Thị L, sinh năm 1975 – Có mặt.

Trú tại: Xóm TG, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 11/01/2020, Đặng Văn C đi bộ đến nhà Trần Thế H, sinh năm 1990, trú tại: xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN. Sau đó anh H rủ C ở lại nhà uống rượu thì C đồng ý và ngủ lại tại nhà anh H. Tại đây C thấy anh H có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1- 147.31 nên đã nảy sinh ý định lừa anh H để lấy chiếc xe trên. C đã nói với anh H là ở nhà C có mấy bánh pháo và bảo anh H ngày mai đưa C về nhà để lấy pháo cho anh H chơi tết (mặc dù nhà C không có pháo), anh H đồng ý. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 12/01/2020, anh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1- 147. 31 chở C về nhà. Khi đi đến gần khu vực bãi tập xe ô tô thuộc xóm TC, xã LS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. C cố tình chỉ cho anh H vào một ngôi nhà đang khóa cổng (không phải nhà của C) và nói là bố C đi vắng nên không có chìa khóa để vào nhà. Sau đó C đèo anh H giả vờ đi tìm bố của C để lấy chìa khóa. Khi đi đến cổng làng thuộc xóm HH, xã KM, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, C nói với anh H: “Anh mượn xe đi ra đây lấy hàng, em ngồi đợi tý”, thì anh H đồng ý và vào quán nước ngồi đợi C. Sau đó C điều khiển xe mô tô lên khu vực bên xe phía Bắc thuộc địa phận thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và bán xe cho một người không quen biết với giá 1.300.000 đồng lấy tiền tiêu sài cho cá nhân.

Vụ án thứ hai: Ngày 18/3/2020, Đặng Văn C đi bộ đến khu vực thuộc tổ 2, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh TN. Tại đây C gặp chị Âu Thị L, sinh năm: 1975, trú tại: Xóm TG, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN đang ngồi bán hoa quả tại lán của

chị L. C đi vào lán bán hoa quả của chị L nói chuyện và tự giới thiệu mình tên là “Tuấn”, nhà ở xóm TC, xã LS, TP LS, tỉnh TN và C đã đưa thông tin sai sự thật với chị L là: “xe ô tô tải của C bị hỏng ở bên xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên nên C phải ở đây để đợi đồ sửa xe do xe bus vận chuyển lên” và C có xin chị L cho ở lại lán đến sáng hôm sau, thì chị L đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 18/3/2020 chị L có bảo anh Hoàng Văn L, sinh năm 1986, trú tại: Xóm TC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN và anh Hoàng Văn C, sinh năm 1981, trú tại: Xóm TC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN đến thay chị L để trông lán bán hoa quả. Sáng ngày 19/3/2020 khi C ngủ dậy thì thấy anh L có để 01 xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1- 483.33 cạnh lán, nên C nảy sinh ý định lừa lấy xe. Đến chiều cùng ngày khi anh L, anh C đi về nhà mình, C có mượn điện thoại của chị L gọi điện cho anh L đưa thông tin sai sự thật là cho C mượn chiếc xe trên để đi lấy đồ sửa xe ô tô đến chiều sẽ về trả anh L. Anh L đồng ý và bảo C đi vào nhà anh L đưa cho chìa khóa xe. Sau đó C đi vào nhà anh L mượn chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1- 483.33 của anh L rồi điều khiển xe đi lên khu vực thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bán cho 01 người đàn ông không quen biết với giá 1.800.000 đồng rồi sử dụng cả nhân hết số tiền trên.

Tại bản kết luận số: 06/ĐGTSHTS ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, BKS: 20B1- 147.31, có giá trị tại thời điểm ngày 12/01/2020 là 9.500.000 đồng.

Tại bản kết luận số: 15/ĐGTSHTS ngày 23/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, WAVE, màu đen trắng-đen BKS: 20B1- 483.33, có giá trị tại thời điểm ngày 19/3/2020 là 8.200.000 đồng.

Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1-147.31; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 20B1- 483.33. Hiện 02 chiếc xe trên bị cáo đã bán nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Thế H và anh Hoàng Văn L yêu cầu bị cáo C phải bồi thường giá trị 02 chiếc xe mô tô theo quy định, bị cáo chưa bồi thường, việc dân sự chưa giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSĐH, ngày 27/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đặng Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Thế H giá trị chiếc xe mô tô là 9.500.000 đồng.

+ Đối với chiếc xe mô tô BKS 20B1-483.33, bị cáo chiếm đoạt từ anh Hoàng Văn L, chiếc xe này là anh L mượn của anh Dương Văn H, anh H mượn lại chiếc xe của ông Dương Văn K (là bố đẻ anh H), do đó buộc bị cáo bồi thường cho ông Dương Văn K giá trị chiếc xe mô tô là 8.200.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 08 giờ ngày 12/01/2020, tại khu vực thuộc xóm HH, xã KM, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Đặng Văn C đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, BKS: 20B1-147.31, có giá trị 9.500.000 đồng của anh Trần Thế H, sinh năm 1990, trú tại: xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN; sau đó C điều khiển xe lên thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bán xe cho một người không quen biết với số tiền là 1.300.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Tiếp đó đến ngày 19/3/2020, tại lán bán hàng hoa quả của chị Âu Thị L, thuộc tổ 02, thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh TN, Đặng Văn C đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, BKS: 20B1- 483.33, có giá trị là 8.200.000 đồng của anh Hoàng Văn L, sinh năm 1966, trú tại: xóm TC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN; sau đó C điều khiển xe đi lên khu vực thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bán xe cho một người đàn ông không quen biết với số tiền 1.800.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Tổng giá trị 02 chiếc xe mô tô mà C lừa đảo chiếm đoạt là 17.700.000 đồng. Hiện nay 02 chiếc xe mô tô trên không thu hồi được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; những người làm chứng và những

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 174 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[2]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Đặng Văn C có nhân thân rất xấu, đã có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, là đối tượng nghiện chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong vụ án này, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời Bản án số 02/2010/HSST ngày 09/3/2010 của TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 30 tháng tù, bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm; do đó bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình, xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử và đi cải tạo tập trung nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, vì vậy cần lên một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa C.

Tại Bản án số 325/2020/HSST ngày 20/8/2020 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, nhưng xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề ổn định, hiện bị cáo đang chấp hành án và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, Tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Trần Thế H yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô BKS: 20B1- 147.31 mà bị cáo đã chiếm đoạt theo định giá của cơ quan chuyên môn, bị cáo nhất trí với yêu cầu của anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, theo đó bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Thế H số tiền là 9.500.000 đồng.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 20B1- 483.33, bị cáo chiếm đoạt từ anh Hoàng Văn L, chiếc xe này anh L mượn của anh Dương Văn H, anh H mượn xe của bố đẻ là ông Dương Văn K. Quá trình điều tra ông K yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông giá trị chiếc xe theo định giá của cơ quan chuyên môn, bị cáo nhất trí với yêu cầu của ông K, do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Văn K số tiền là 8.200.000 đồng.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[7]. Ngoài ra, trong vụ án này, theo Đặng Văn C khai đã bán 02 chiếc xe mô tô lừa đảo chiếm đoạt được cho 02 người đàn ông không biết tên, địa chỉ, lai lịch ở tỉnh Lạng Sơn nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không có cơ sở điều tra để xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Văn C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Đặng Văn C** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với 24 (Hai mươi bốn) tháng tù tại Bản án số 325/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo **Đặng Văn C** phải chấp hành hình phạt C cho cả hai bản án là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Văn C và bị hại anh Trần Thế H về việc bồi thường; cụ thể: bị cáo Đặng Văn C có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Thế H giá trị của chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt Tương ứng với số tiền là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Đặng Văn C có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Văn K giá trị của chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt Tương ứng với số tiền là 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án, được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 885.000đ (Tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Dương Văn H), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Dương Văn K), báo cho biết có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở T pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã LS, TP Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc